

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-01-2023.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sang

2. Bà Lý Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Hữu N, sinh năm 1996 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Hữu N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Hữu N, chị Đỗ Thị H (sau đây gọi tắt là anh N, chị H) tự quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh N, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Th, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên

Giang vào ngày 08/6/2017. Vợ chồng chung sống được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, chị H chi tiêu (xài tiền) trong gia đình chưa phù hợp, trong khi vợ chồng đang khó khăn về kinh tế. Mặt khác, chị H muốn vợ chồng về bên gia đình chị H sinh sống, tại ấp Xuân Lai, xã Xuân Hưng, huyện Thới Xuân, tỉnh Thanh Hóa nhưng anh N không đồng ý. Từ đó, vợ chồng anh N, chị H thường xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình và không thể hàn gắn, nên vợ chồng ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh N, chị H có 01 người con chung tên Trần Quốc Thái, sinh ngày 25/4/2016, hiện con đang sống với ông Trần Chí Nghiệp (*ông Nghiệp là cha ruột của anh N*). Vợ chồng ly hôn anh N yêu cầu được nuôi con chung Trần Quốc Thái, anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh N, chị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị H được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng chị H vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại văn bản ngày 01/11/2022 của bị đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Th, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/6/2017. Thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, cuộc sống của vợ chồng không thể kéo dài, để sớm giải thoát cho cả hai, nên chị đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh N có 01 người con chung tên Trần Quốc Thái, sinh ngày 25/4/2016. Vợ chồng ly hôn chị H giao con chung Trần Quốc Thái cho anh N nuôi dưỡng, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về chia tài sản chung: Anh N, chị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao chứng thực); sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy khai sinh tên Trần Quốc Thái.

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 01/11/2022; đơn đề nghị xin vắng mặt đề ngày 01/11/2022.

Tài liệu Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022 của ông Trần Chí Nghiệp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về hôn nhân cho anh N được ly hôn với chị H; về con chung giao cháu Trần Quốc Thái, sinh ngày 25/4/2016 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh N không yêu cầu; về chia tài sản chung do đương sự không yêu cầu, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Đỗ Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Chí Nghiệp, hiện ông đang nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Thái (con chung của anh N, chị H). Tòa án có thông báo cho ông Nghiệp để tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022 của ông Nghiệp trình bày, hiện ông đang nuôi dưỡng cháu Thái, đến khi Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh N, chị H thì ông giao cháu Thái lại cho vợ chồng anh N, chị H. Vợ chồng anh N, chị H ly hôn ông Nghiệp đề nghị Tòa án giao cháu Thái cho anh N nuôi dưỡng, nếu anh N không khả năng nuôi con thì ông cam kết nuôi cháu Thái thay cho anh N. Trong vụ án này ông Nghiệp không có yêu cầu gì, nên ông xin từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không đưa ông Nghiệp vào tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp. Tại phiên tòa anh N trình bày lý do xin ly hôn là do chị H chi xài tiền trong gia đình chưa phù hợp, trong khi vợ chồng còn khó khăn về kinh tế; chị muốn vợ chồng về bên nhà cha mẹ ruột chị H sinh sống, tại ấp Xuân Lai, xã Xuân Hưng, huyện Thới Xuân, tỉnh Thanh Hóa nhưng anh N không đồng ý. Từ đó, vợ chồng anh N, chị H xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, nên vợ chồng ly thân từ tháng 7/2021 đến nay.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2022 của bị đơn chị H trình bày, về hôn nhân chị thống nhất với lời trình bày của anh N là đúng, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không thể kéo dài, để sớm giải thoát cho nhau chị đồng ý ly hôn với anh N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022 của ông Nghiệp trình bày: Sau khi vợ chồng anh N, chị H cưới thì có về chung sống với ông Nghiệp hơn 01 năm, tại ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Thời gian chung sống vợ chồng anh N, chị H thường xảy ra cự cãi, ông Nghiệp có khuyên và động viên các con nhưng không thành, hiện anh N yêu cầu ly hôn với chị H thì ông Nghiệp không có ý kiến, để anh N, chị H tự quyết định.

Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị H là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống gia đình, đáng lẽ ra các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc, để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẻ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho anh N được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh N, chị H có 01 người con chung Trần Quốc Thái, sinh ngày 25/4/2016. Tại bản tự khai ngày 01/11/2022 của chị H, vợ chồng ly hôn chị H giao con chung Trần Quốc Thái cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập chị H để làm rõ về mức cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị đều vắng mặt, nên không xác định được mức cấp dưỡng nuôi con và không thể làm bất lợi cho chị. Anh N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, hiện cháu Trần Quốc Thái đang sống với anh N, ở cùng nhà với ông Trần Chí Nghiệp được chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, nên HĐXX thống nhất giao con chung Trần Quốc Thái cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh N không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Anh N, chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Anh N, chị H không có nợ và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Trần Hữu N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003437 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Hữu N với chị Đỗ Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quốc Thái, sinh ngày 25/4/2016 (hiện đang sống với anh N) cho anh Trần Hữu N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh N không yêu cầu.

Chị Đỗ Thị H có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh N, chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Anh N, chị H không có nợ và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Hữu N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003437 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng